

GIỚI THIỆU SÁCH**QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM VỀ TÔN GIÁO**

Tác giả: PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương
Nxb. Khoa hội Xã hội, Hà Nội, 2015, khổ 16 x 24cm

Cuốn sách gồm 5 chương:

Chương 1: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo từ năm 1930 đến năm 1954

Trong chương này tác giả đề cập bối cảnh lịch sử Việt Nam với những biến động xã hội to lớn như sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930), sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Việt Nam với chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève (1954). Trong phần này tác giả nêu lên bối cảnh của tôn giáo ở Việt Nam với sự xuất hiện của Phong trào Chấn hưng Phật giáo từ những năm 1920; sự xuất hiện của các ông Đạo và một số tôn giáo lần lượt ra đời ở Nam Bộ như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo; Tịnh Độ cư sĩ Phật hội; Minh Sư đạo; Minh Lý đạo; sự du nhập của Tin Lành. Tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ này trải qua nhiều biến động lớn trong các cuộc chiến tranh và cách mạng. Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ này chủ yếu khẳng định chính sách đảm bảo tự do tín ngưỡng cho người dân, đấu tranh chống địch lợi dụng về tôn giáo, từ đó củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã cố gắng vận động đồng bào có đạo ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc, đồng thời không ngừng bồi dưỡng nhận thức đúng đắn về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam cho cán bộ, đảng viên cũng như toàn dân.

Trong chương này, tác giả đi sâu phân tích về bản chất của tôn giáo; quan điểm, chính sách về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quan điểm, chính sách về đoàn kết tôn giáo trong chiến lược Đại đoàn kết toàn dân tộc; quan điểm, chính sách về chống lợi dụng tôn giáo; và quan điểm, chính sách về công tác vận động tôn giáo (hay còn gọi là công tác tôn giáo vận).

Chương 2: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt nam về tôn giáo từ năm 1954 đến năm 1975

Tác giả đã trình bày bối cảnh lịch sử giai đoạn này như việc thực hiện các đường lối chiến lược ở hai miền Bắc - Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đánh đuổi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước. Tác giả đã cho thấy bối cảnh chính trị chung trong nước và quốc tế tác động đến chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tình hình kinh tế, chính trị - xã hội, tôn giáo Miền Bắc những năm đầu giải phóng và tình hình tôn giáo Miền Nam những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Qua phần trình bày của tác giả chúng ta thấy rõ rằng: nếu như trước năm 1954, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là tập hợp quần chúng trong đó có quần chúng tôn giáo trong một mặt trận để tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thì đến giai đoạn này, do Đảng đã trở thành một chính đảng cầm quyền nên một mặt Đảng Cộng sản Việt Nam phải có quan điểm, đường lối đúng đắn để tập hợp được đông đảo quần chúng tín đồ tham gia xây dựng Miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giải phóng Miền Nam thống nhất nước nhà. Nhưng mặt khác, quan trọng hơn là làm thế nào để quan điểm, đường lối đúng đắn đó phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam mà không bị sức ép từ phía mô hình quản lý tôn giáo của một quốc gia nào trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định một mô hình quản lý tôn giáo thông qua Hiến pháp và pháp luật với một nguyên tắc bất di bất dịch là Hiến pháp và pháp luật phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân và tôn trọng quyền tự do ấy; đồng thời còn phải thể chế hàng loạt điều khoản, trong đó có điều khoản chế tài để bảo đảm việc thực hiện pháp luật được nghiêm túc và có hiệu quả.

Trong chương này, tác giả trình bày những nguyên tắc chung về quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo. Đó là: Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý đối với tôn giáo; Nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, nghiêm cấm mọi sự xâm phạm quyền tự do này; Nguyên tắc đoàn kết tôn giáo, đoàn kết lương giáo; Nguyên tắc quan tâm, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật; Nguyên tắc chống lợi dụng tôn giáo vào hoạt động phá hoại an ninh trật tự, mê tín dị đoan. Do đặc thù lịch sử giai đoạn này đất nước chia cắt thành hai miền Nam, Bắc nên Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng có quan điểm, chính sách đối với tôn giáo ở Miền Nam. Tác giả cũng

đã trình bày về chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Trung ương Cục Miền Nam đối với vấn đề tôn giáo.

Chương 3: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo từ năm 1975 đến năm 1990

Bối cảnh lịch sử của giai đoạn này là: Miền Nam đã giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước bước vào giai đoạn xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh Miền Nam vừa giải phóng, nhiều tôn giáo có những biến động lớn thời gian đầu sau giải phóng như Công giáo, Tin Lành và một số tôn giáo khác. Thời gian đầu sau giải phóng, ở Miền Nam nổi lên nhiều hoạt động chống đối cách mạng của một số chức sắc tôn giáo làm cho tình hình chính trị ở Nam Bộ trở nên phức tạp. Những vấn đề này đã có tác động không nhỏ đến chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng thời kỳ này.

Trong bối cảnh như vậy, chủ trương, chính sách của Đảng đối với tôn giáo đã có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế. Điều này được thể hiện qua các kỳ Đại hội của Đảng và các văn bản khác của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam cũng đã thể hiện rõ quan điểm, chính sách đối với từng tôn giáo cụ thể. Nội dung này được tác giả trình bày chi tiết trong nội dung chương này.

Chương 4: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo từ năm 1990 đến nay

Trong chương này tác giả đã cho thấy tình hình tôn giáo thế giới và Việt Nam thập niên cuối thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI; Những đặc điểm về chính trị - xã hội, tôn giáo ở Việt Nam từ những năm đầu sau Đổi Mới đến nay. Đặc biệt, tác giả đã cho thấy nghị quyết số 24-NQ/Tw là một trong những bước ngoặt trong đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiếp theo đó là các Chỉ thị 37-CT/Tw và Nghị quyết 25-NQ/TW. Quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam còn được thể hiện qua Cương lĩnh và Báo cáo Chính trị các kỳ đại hội của Đảng và các văn bản khác mang tính đặc thù đối với một số tôn giáo như Tin Lành (Chỉ thị 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành ngày 4/2/2005...); Islam giáo trong dân tộc Chăm (Thông báo số 119- TB/Tw ngày 30/9/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Thông báo ý kiến Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với Hồi giáo trong tình hình mới...); Phật giáo Nam tông Khmer (Chỉ thị số 68-CT/Tw về công tác ở

vùng đồng bào dân tộc Khmer, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng), v.v..

Có thể thấy, thời kỳ này đổi mới công tác tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện cơ bản trên hai bình diện: thứ nhất là quan điểm nhìn nhận đánh giá về bản chất, vai trò cũng như sự tồn vong của tôn giáo; thứ hai là đổi mới về chính sách cụ thể đối với tôn giáo mà nổi bật là việc xem xét, công nhận các giáo hội và các hệ phái tôn giáo, nếu có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về hai mặt đạo, đời.

Chương 5: Tôn giáo thời kỳ đổi mới ở nước ta và những vấn đề đặt ra

Chương này cho thấy tôn giáo thời kỳ đổi mới ở nước ta với những nét nổi trội trong đời sống tôn giáo như thờ cúng Hùng Vương, thờ cúng và tôn vinh những người có công với làng, nước và thờ tổ tiên (gọi tắt là thờ Tổ). Năm 2014, ở Việt Nam đã có 13 tôn giáo và 40 tổ chức tôn giáo được công nhận, tuy nhiên, vẫn còn một số tôn giáo và hàng chục tổ chức tôn giáo chưa được công nhận dẫn đến hiện tượng không gian tôn giáo trở nên đa dạng và phức tạp. Nhiều vùng, miền trước đây, không gian chủ yếu là của một tôn giáo thì nay tiếp tục bị phân tách. Hiện tượng tôn giáo mới không chỉ gia tăng về số lượng mà còn phức tạp về hoạt động.

Trong chương này, tác giả dành nhiều tâm huyết cho việc trình bày những ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội trong thời kỳ mới với các nội dung như sau: Tôn giáo là một nguồn lực để phát triển xã hội; Tín ngưỡng, tôn giáo vẫn giữ vai trò trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; Các thế lực phản động tiếp tục sử dụng tôn giáo như một vũ khí lợi hại thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình.

Tác giả cũng phân tích cho những vấn đề đặt ra trong việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng về công tác tôn giáo dưới góc độ lý luận và những chủ trương cụ thể.

Có thể thấy, qua 258 trang sách, tác giả đã cung cấp cho người đọc một cách tổng quát và khá toàn diện về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo từ năm 1930 đến nay.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!